

Số: /TB-ĐHL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2024

## **THÔNG BÁO** **Tuyển sinh đào tạo Tiến sĩ Luật khóa 21 (2024- 2027)**

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-ĐHL ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 154/NQ-HĐT ngày 07/8/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật TP. HCM thông qua Đề án tuyển sinh trình độ sau đại học năm 2024;

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo Tiến sĩ Luật - Đợt 1 năm 2024 như sau:

### **1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh**

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	9380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	10
2	9380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	10
3	9380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự	10
4	9380107	Luật kinh tế	10
5	9380108	Luật quốc tế	10

(Danh sách các nhà khoa học, hướng nghiên cứu và số lượng nghiên cứu sinh có thể nhận hướng dẫn theo lĩnh vực được công bố trên website của Trường)

### **2. Phương thức tuyển sinh**

- Xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn của Ban chuyên môn;

### **3. Đối tượng tuyển sinh**

#### **3.1. Điều kiện chung đối với người dự tuyển**

a)	Đã tốt nghiệp thạc sĩ (hoặc đã có quyết định công nhận tốt nghiệp thạc sĩ) ngành phù hợp; hoặc
	Đã tốt nghiệp đại học (hoặc đã có quyết định công nhận tốt nghiệp) hạng giỏi trở lên ngành phù hợp (theo mục 4 của Thông báo này).

b)	Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua:
	Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu; hoặc
	Bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc
	Có thời gian công tác từ 24 tháng trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ
c)	Có dự thảo đề cương nghiên cứu
d)	Có dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá

### **3.2 Điều kiện về ngoại ngữ**

#### **3.2.1 Người dự tuyển là công dân Việt Nam**

Công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu ngoại ngữ được chứng minh bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a)	Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo của nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
b)	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
c)	Chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Đề án tuyển sinh tương đương bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ GD&ĐT công bố <sup>1</sup> (Phụ lục I)

#### **3.2.2 Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài**

Công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Năng lực về ngoại ngữ thứ hai được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Phụ lục I.

## **4. Danh mục ngành phù hợp**

### **4.1. Danh mục ngành phù hợp trình độ đại học**

STT	Mã số	Ngành
1	7380101	Luật

<sup>1</sup> Các đơn vị cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam do Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

2	7380102	Luật Hiến pháp và luật Hành chính
3	7380103	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự
4	7380104	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
5	7380107	Luật Kinh tế
6	7380108	Luật Quốc tế
7	7380109	Luật Thương mại quốc tế

**4.2. Danh mục ngành phù hợp trình độ thạc sĩ**

STT	Mã số	Ngành
1	8380101	Luật
2	8380102	Luật Hiến pháp và luật Hành chính
3	8380103	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự
4	8380104	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
5	8380105	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm
6	8380106	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
7	8380107	Luật Kinh tế
8	8380108	Luật Quốc tế

**5. Địa điểm tổ chức tuyển sinh, hình thức đào tạo, địa điểm đào tạo, và thời gian đào tạo:**

**6.1 Địa điểm tổ chức tuyển sinh:**

Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh  
Số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**6.2 Hình thức đào tạo:**

Chính quy

**6.3 Địa điểm đào tạo:**

Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh:

- Trụ sở chính: số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 2: số 123 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Cơ sở 3: Phường Long Phước, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 6.4 Thời gian đào tạo:

- 03 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ.
- 04 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học.

#### 6. Số lần tuyển sinh trong năm:

02 lần (dự kiến tháng 10 và tháng 12)

#### 7. Kế hoạch tuyển sinh lần 1 (dự kiến)

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Cụ thể</i>
1	Công bố thông báo tuyển sinh	Ngày 16/8/2024
2	Thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tuyến:	Từ ngày 16/8/2024 đến hết ngày 30/9/2024
3	Thời gian xét tuyển (Dự kiến)	Từ 02/10/2024 đến 20/10/2024
4	Thời gian công bố kết quả xét tuyển (Dự kiến)	Trước 30/10/2024
5	Thời gian nhập học (Dự kiến)	Trước ngày 06/11/2024
6	Thời hạn nộp lệ phí xét tuyển	Đến hết ngày 30/9/2024
7	Nơi nhận hồ sơ sau khi trúng tuyển	Phòng A. 105, số 02 Nguyễn Tất Thành, P. 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh
8	Nộp lệ phí trực tiếp tại Trường: Phòng B.105A (Số 02 Nguyễn Tất Thành, P.13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh)	
	Nộp lệ phí bằng chuyển khoản như sau:	
	Đơn vị thụ hưởng: <b>Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh</b>	
	Số tài khoản: <b>1900 201 447 071</b>	
	Ngân hàng: <b>Agribank – Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh</b>	
	Nội dung chuyển khoản: <b>“Họ và tên#Số điện thoại#xét tuyển NCS Khoá 21”</b>	

#### 8. Hồ sơ dự tuyển

1	Đơn xin dự tuyển (theo mẫu)
2	Lý lịch khoa học có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức nơi thí sinh đang công tác hoặc của chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú về các thông tin liên quan đến hộ tịch của người đăng ký xét tuyển (theo mẫu).

3	Bằng và Bảng điểm tốt nghiệp đại học và/ hoặc Thạc sĩ
a)	<i>Bản sao có xác thực</i> : bằng và bảng điểm đã tốt nghiệp thạc sĩ (hoặc đã có quyết định công nhận tốt nghiệp thạc sĩ) ngành phù hợp; hoặc
b)	<i>Bản sao có xác thực</i> : bằng và bảng điểm đã tốt nghiệp đại học (hoặc đã có quyết định công nhận tốt nghiệp) hạng giỏi trở lên ngành phù hợp.
4	Minh chứng về năng lực ngoại ngữ
a)	Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo của nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
b)	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
c)	Chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Đề án tuyển sinh tương đương bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ GD&ĐT công bố.
5	Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu:
	Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu, minh chứng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có xác thực bảng điểm thể hiện có nội dung bảo vệ Luận văn thạc sĩ định hướng nghiên cứu; hoặc</li> <li>- Minh chứng khác thể hiện nội dung trên.</li> </ul>
	Bài báo khoa học đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành, minh chứng đã công bố bao gồm: Đối với phiên bản in: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản photocopy trang bìa;</li> <li>- Trang mục lục Tạp chí có tên bài báo, tên tác giả;</li> <li>- Toàn văn nội dung của bài báo;</li> </ul> Đối với phiên bản điện tử: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản in trang điện tử;</li> <li>- Bản in trang mục lục;</li> <li>- Toàn văn nội dung của bài báo;</li> </ul>
	Báo cáo khoa học tại Hội nghị, Hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện, minh chứng đã công bố bao gồm: Đối với phiên bản in:

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản photocopy trang bìa của Kỷ yếu</li> <li>- Trang mục lục Kỷ yếu có tên bài báo, tên tác giả;</li> <li>- Toàn văn nội dung của bài báo;</li> <li>- Văn bản xác nhận của đơn vị tổ chức nếu Kỷ yếu không có mã số ISBN;</li> </ul> <p>Đối với phiên bản điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản in trang điện tử của Kỷ yếu;</li> <li>- Bản in trang mục lục;</li> <li>- Toàn văn nội dung của bài báo;</li> <li>- Văn bản xác nhận của đơn vị tổ chức nếu Kỷ yếu không có mã số ISBN;</li> </ul>
	Giấy chứng nhận về thời gian công tác từ 24 tháng trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ
6	Dự thảo đề cương nghiên cứu (theo mẫu)
7	Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá (theo mẫu)
8	Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.
9	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

**Lưu ý:**

***Hồ sơ dự tuyển sẽ được hậu kiểm trong vòng 06 tháng kể từ ngày có kết quả trúng tuyển***

## **9. Lệ phí, học phí**

<b><i>Lệ phí xét tuyển:</i></b>	2.500.000 đồng/ thí sinh
<b><i>Học phí nghiên cứu sinh:</i></b>	
Năm học 2024 – 2025	52.880.000 đồng
Năm học 2025 – 2026	59.630.000 đồng
Năm học 2026 – 2027	67.130.000 đồng
Năm học 2027 – 2028 (dự kiến)	75.570.000 đồng

**Lưu ý:**

***Hồ sơ dự tuyển và lệ phí xét tuyển không được hoàn trả lại cho ứng viên trong mọi trường hợp.***

**THÔNG TIN LIÊN HỆ:**

Phòng Đào tạo Sau đại học – Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh

Số 02 Nguyễn Tất Thành, P.13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: **08.39400989 số nội bộ 118** ./.

***Nơi nhận:***

- Lưu: VT, SDH.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ts. Lê Trường Sơn**

## PHỤ LỤC I

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam <sup>2</sup>

<b>Stt</b>	<b>Ngôn ngữ</b>	<b>Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận</b>	<b>Trình độ/Thang điểm</b>
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

<sup>2</sup> Các đơn vị liên kết thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài do Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.